

Số: 20/ BC-THTK

Thống Kênh, ngày 31 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TIỂU HỌC THỐNG KÊNH

2. Địa chỉ: Thôn Đồng Tái– xã Thống Kênh – huyện Gia Lộc– tỉnh Hải Dương

Website: <https://gl-ththongkenh.haiduong.edu>

3. Loại hình: Trường tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Gia Lộc.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu.

- Sứ mệnh: Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

- Tầm nhìn: Trường Tiểu học Thống Kênh phấn đấu có cơ sở vật chất khang trang, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, cơ cấu, có năng lực chuyên môn vững vàng, có uy tín đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

- Mục tiêu: Phấn đấu xây dựng môi trường học tập lành mạnh, có kỷ cương, nền nếp; có chất lượng giáo dục cao; phấn đấu để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển hết khả năng của mình. Xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn có được niềm tin của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Thống Kênh được thành lập từ năm 1952. Năm 1992, trường được tách ra từ trường phổ thông cơ sở và chính thức mang tên trường Tiểu học Thống Kênh. Trường được Sở GD&ĐT kiểm tra và được Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương ra Quyết định số 253/QĐ- UBND ngày 17/01/2007 công nhận trường Tiểu học Thống Kênh đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1, ngày 17/5/2013 trường Tiểu học Thống Kênh có Quyết định số 1002/QĐ-UBND công nhận đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1(Lần 2); ngày 13/11/2018 trường Tiểu học Thống Kênh có Quyết định số 4196/QĐ-UBND công nhận đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1(Lần 3). Ngày 11/7/2022 trường Tiểu học Thống Kênh có Quyết định số 1927/QĐ-UBND công nhận đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2.

- Trường Tiểu học Thống Kênh là trường công lập do UBND Huyện Gia Lộc thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn xã Thống Kênh.

- Xây dựng phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục

phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Ông Hoàng Sách Khôi

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đông Tái, xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

Số điện thoại: 0986 414937 Gmail: hoangkhoihhgl@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

b) Hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Chức danh hội đồng
1	Ông Hoàng Sách Khôi	Hiệu trưởng	CTHĐ
2	Bà Phạm Thị Phương Chi	Phó hiệu trưởng	Thành viên
3	Bà Phạm Thị Lâm	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Hằng	Tổ trưởng Tổ chuyên môn lớp 1	Thành viên
5	Bà Đoàn Hải Duyên	Tổ trưởng Tổ chuyên môn lớp 2,3	Thành viên
6	Bà Tạ Thị Kim Hoạt	Tổ trưởng Tổ chuyên môn lớp 4,5	Thành viên
7	Bà Lê Thị Thuận	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Thành viên
8	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Tổng phụ trách đội	Thành viên
9	Bà Trần Thị Nguyệt	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Thành viên
10	Ông Nguyễn Văn Dương	Chủ tịch UBMTTQ xã	Thành viên
11	Ông Vũ Hùng Hương	Đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục:

Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND huyện Gia Lộc Về việc luân chuyển, bổ nhiệm chức danh Hiệu trưởng Trường Tiểu học Thống Kênh;

Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện Gia Lộc Về việc bổ nhiệm chức danh Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Thống Kênh.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

Cơ chế hoạt động của Trường Tiểu học Thống Kênh

Xây dựng Kế hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công nhiệm vụ, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Thống Kênh là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Gia Lộc.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Tổ chức bộ máy của nhà trường

- 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn.
- 1 tổ văn phòng
- 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 21 đảng viên.
- Tổ chức Công đoàn có 31 công đoàn viên.

- Tổ chức Chi đoàn có 11 đoàn viên.
- Tổ chức Đội – Sao : có 11 lớp sao nhi đồng và 8 chi đội.
- Ban đại diện CMHS.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Hoàng Sách Khôi	HT	0986414937	hoangkhoihhgl@gmail.com
2	Phạm Thị Phương chi	PHT	0397440028	phamphuongchi986@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đồng Tái, xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

ST T	Nội dung	Tổng g số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp Năm học 2023-2024				KQ đánh giá BDTX năm học 2023-2024	
			TS	Th S	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đ	CD	HT	CHT
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32	0	0	30	1	0	1	0	9	13	4	15	12	0	0	27	0
I	Giáo viên	26			26					9	13	2	15	10			25	0
1	Giáo viên văn hóa	19			1 9					5	10	2	9	9			18	
2	Giáo viên Ngoại ngữ	2			2					2			2				2	
3	Giáo viên Tin học	1			1					1				1			1	
4	Giáo viên Âm nhạc	1			1						1		1				1	
5	Giáo viên Mỹ thuật	1			1						1		1				1	
6	Giáo viên Thể dục	2			2					1	1		2				2	

II	Cán bộ quản lý	2			2						2		2			2	0
1	Hiệu trưởng	1			1						1		1			1	
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1		1			1	
II I	Nhân viên	4			2	1		1									
1	Nhân viên kế toán – văn thư	1			1												
2	Nhân viên y tế - thủ quỹ	1				1											
3	Nhân viên thư viện – thiết bị	1			1												
4	Nhân viên công nghệ thông tin	0															
5	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0															
6	Nhân viên bảo vệ	1						1									

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Tổng số diện tích của nhà trường 8661 m², trung bình 14,13 m²/1HS, đảm bảo yêu cầu Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT;

- Các khối phòng, khối công trình hiện có:

+ Khối phòng hành chính quản trị: có đủ các phòng, các phòng đều trang được trang bị các máy móc, thiết bị đảm bảo phục vụ công việc hành chính quản trị.

+ Khối phòng học tập: có đủ 19 phòng học/19 lớp, các phòng học đều kiên cố, có đủ bàn ghế, bảng, tủ, hệ thống đèn chiếu sáng, quạt...

+ Phòng bộ môn có 06 phòng gồm: Tin học, Tiếng Anh, Âm nhạc, Mĩ thuật, Phòng đa chức năng, phòng khoa học công nghệ, các phòng đều có thiết bị dạy học cơ bản phục vụ cho việc dạy học các môn học.

+ Khối phòng hỗ trợ học tập: có nhà đa năng, thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng Đội thiếu niên. Thư viện có phòng đọc học sinh, phòng đọc giáo viên riêng biệt và không gian mở.

+ Khối phụ trợ: có phòng họp, phòng y tế, khu để xe học sinh; khu vệ sinh học sinh bảo đảm phục vụ tốt cho học sinh toàn trường.

+ Khu sân chơi: có khu sân chơi rộng rãi, nền được lát gạch bằng phẳng, sạch đẹp; có hệ thống cây xanh đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động chung toàn trường, bãi tập thể dục, thể thao có sân rộng có đồ cát.

+ Khối phục vụ sinh hoạt: có nhà ăn, nhà ngủ riêng. Hệ thống nhà ăn, nhà ngủ đảm bảo sạch sẽ, đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ cho học sinh bán trú.

+ Hạ tầng kỹ thuật: nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng, hệ thống điện an toàn đảm bảo cung cấp điện đầy đủ cho các hoạt động; hệ thống phòng cháy, chữa cháy đảm bảo quy định; hệ thống mạng Internet kết nối với toàn bộ các máy vi tính, ti vi của các lớp, sử dụng thuận tiện, hiệu quả.

- Thiết bị dạy học hiện có:

+ Mỗi lớp học và phòng bộ môn đều có ti vi hoặc máy chiếu phục vụ cho hoạt động dạy học, phòng bộ môn Tin học có 18 máy tính dùng dạy môn Tin học và tổ chức cho HS tham gia các hoạt động giao lưu trên Internet.

+ Có đủ đồ dùng dạy học môn Giáo dục thể chất và môn Âm nhạc theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Các môn học khác: đảm bảo 50 % theo quy định của Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tài liệu dạy học, Sách giáo khoa dùng chung:

+ Thư viện: Tổng số sách: 7.704 bản. Trong đó: sách giáo khoa: 2.033 bản, sách nghiệp vụ: 1180 bản, sách thiếu nhi: 210 bản; sách chuyên góp: 613 bản, sách đạo đức: 1705 bản, sách pháp luật: 81 bản, sách tra cứu: 75 bản; sách kinh điển- văn học: 42 bản; sách Hồ Chí Minh: 234 bản, sách tham khảo chung: 1.828 bản

*** Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:**

Danh mục sách giáo khoa lớp 5 năm học 2024-2025

TT	Môn/ Hoạt động giáo dục	Tên sách giáo khoa <i>(Ghi rõ tên sách, Tổng Chủ biên/Chủ biên, thuộc bộ sách, nhà xuất bản)</i>
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 5, Tập 1, 2 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Toán 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên)

		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 5 (Bộ sách Cánh diều) Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Khoa học	Khoa học 5 (Bộ sách Cánh diều) Bùi Phương Nga (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 5 (Bộ sách Cánh diều). Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Tin học	Tin học 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ	Công nghệ 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 5 (Bộ sách Cánh diều) Đình Quang Ngọc (Tổng chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc	Âm nhạc 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật	Mĩ thuật 5 (Bộ sách Chân trời sáng tạo bản 1) Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 5 (Bộ sách Cánh diều) Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 5 (Global success) Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên) Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Danh mục sách giáo khoa lớp 4 năm học 2024-2025:

TT	Tên sách	Tác giả	Tên bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4, Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt 4, Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Khoa học 4	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Lịch sử và Địa lí 4	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 4	Đình Quang Ngọc (Tổng chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đình Kháng Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đình Thị Mai Anh	Cánh Diều	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
12	Tiếng Anh 4	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn	Global Success	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Danh mục sách giáo khoa lớp 3 năm học 2024-2025:

TT	Môn/HĐGD	Tên sách được chọn; Tổng chủ biên/Chủ biên; Nhà xuất bản	Nhóm tác giả	Bộ sách
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 3, Tập 1 Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng.	Kết nối tri thức với cuộc sống

2		Tiếng Việt 3, Tập 2 Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	sống
3	Toán	Toán 3 Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tiếng Anh	Tiếng Anh 3 Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên) Golbal Success NXB Giáo dục Việt Nam	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	
5	Đạo đức	Đạo đức 3 Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên). NXB Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 3 Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên) NXB Đại học Sư phạm	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Cánh diều
7	Tin học	Tin học 3 Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Công nghệ	Công nghệ 3 Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 3 Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc	Âm nhạc 3 Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ	Chân

		Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên) NXB Giáo dục Việt Nam	biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	trời sáng tạo (bản 1)
12	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 3 Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên) NXB ĐHSP TP.HCM	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.	Cánh diều

Sách giáo khoa lớp 2 Năm học 2024-2025

TT	Môn/HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên); PGS.TS Lê Anh Vinh (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Mĩ thuật	Chân trời sáng tạo (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Hoạt động trải nghiệm	Cánh diều	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên); Trần Thành Nam (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Lọng, Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Tự nhiên và Xã hội	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên); Bùi Phương Nga (Chủ biên)	NXB Đại học Sư phạm
8	Giáo dục thể chất	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên); Lê Anh Thơ (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam

Sách giáo khoa lớp 1 Năm học 2024-2025

TT	Môn	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
----	-----	-------------	-------------	--------------

1	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên); PGS.TS Lê Anh Vinh (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Mĩ thuật	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Tuấn Cường (đồng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Hoạt động trải nghiệm	Cánh diều	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên); Trần Thành Nam (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Tự nhiên và Xã hội	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên); Bùi Phương Nga (Chủ biên)	NXB Đại học Sư phạm
8	Giáo dục thể chất	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên); Lê Anh Thơ (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh	Global success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thực hiện theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học

Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông. Nhà trường thực hiện quá trình tự đánh giá như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số 29/QĐ-THTK ngày 09 tháng 9 năm 2024 gồm 9 thành viên.
- Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch số 14/KH-THTK ngày 09/9/2024 đảm bảo đúng tiến độ.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024 – 2025 theo đúng hướng dẫn của Phòng GD &ĐT.

Kết quả tuyển sinh: Số lớp: 04 lớp Số HS: 117 học sinh

2. Kết quả năm học 2023-2024:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	653 (5 Khuyết tật)	118 (2 Khuyết tật)	111	132 (1 Khuyết tật)	140 (1 Khuyết tật)	152 (1 Khuyết tật)
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	653	118	111	132	140	152
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	<i>Tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	465/648 Đạt 71,7%	98/116 Đạt 84,5%	81/111 Đạt 73%	82/131 Đạt 62,6%	95/139 Đạt 68,3%	109/151 Đạt 72,2%
2	<i>Đạt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	181/648 Đạt 27,9%	16/116 Đạt 13,8%	30/111 Đạt 27%	49/131 Đạt 37,4%	44/139 Đạt 31,7%	42/151 Đạt 27,8%
3	<i>Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	3/648 Đạt 0,4%	2/116 Đạt 1,7%	0	0	1/139 Đạt 0,2%	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	<i>Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)</i>	347/648 Đạt 49,9%	66/116 Đạt 56,9%	59/111 Đạt 53,2%	51/131 Đạt 38,9%	49/139 Đạt 35,3%	64/151 Đạt 42,4%
2	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	347/648 Đạt 49,9%	30/116 Đạt 25,8%	16/111 Đạt 14,4%	15/131 Đạt 11,4%	18/139 Đạt 12,9%	43/151 Đạt 28,5%
3	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	346/648 Đạt 49,7%	18/116 Đạt 15,6%	36/111 Đạt 32,4 %	65/131 Đạt 49,6%	71/139 Đạt 51,1%	44/151 Đạt 29,1%
4	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	3/648 Đạt 0,4%	2/116 Đạt 1,7%	0	0	1/139 Đạt 0,7%	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp	645/648	114/116	111/11	131/13	138/13	151/151

	(tỷ lệ so với tổng số)	Đạt 99,5%	Đạt 98,3%	1 Đạt 100%	1 Đạt 100%	9 Đạt 99,3%	Đạt 100%
a	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	414/648 Đạt 63,9%	99/116 Đạt 85,3%	75/111 Đạt 67,6%	66/131 Đạt 50,4%	67/139 Đạt 48,2%	107/151 Đạt 70,8%
b	HS đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia (tỷ lệ so với tổng số)	60/648 Đạt 9,3%	21/116 Đạt 18,1%	8/111 Đạt 7,2%	6/131 Đạt 4,6%	9/139 Đạt 6,5%	16/151 Đạt 10,6%
2	Rèn luyện lại trong hè (tỷ lệ so với tổng số)	3/648 Đạt 0,4%	2/116 Đạt 1,7%	0	0	1/139 Đạt 0,7%	0

*** Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình**

Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 151/151 : 100%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

Nguồn ngân sách:

ĐVT: đồng

MỤC CHI	TIÊU MỤC	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	QUYẾT TOÁN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
A		<u>CHI THƯỜNG XUYÊN</u>	<u>5.597.719.000</u>	<u>5.585.991.000</u>
I		<u>CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN</u>	<u>4.206.451.000</u>	<u>4.127.405.852</u>
6000		Tiền lương	2.240.851.000	2.185.873.000
	6001	Lương theo ngạch bậc	2.240.851.000	2.185.873.000
6050		Tiền công hợp đồng	118.944.000	35.504.000
	6051	Tiền công trả vị trí lao động hợp đồng	94.944.000	35.504.000
	6099	Tiền công khác	24.000.000	0
6100		Phụ cấp lương	1.252.024.000	1.264.123.000
	6101	Phụ cấp chức vụ	34.866.000	38.496.000
	6105	Phụ cấp làm thêm giờ	69.615.000	16.095.000
	6107	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm	3.576.000	3.948.000
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	684.376.000	711.637.000
	6112	Phụ cấp ưu đãi GV dạy HS khuyết tật	75.645.000	107.212.000
	6113	Phụ cấp trách nhiệm	12.516.000	13.818.000
	6115	Phụ cấp TN nghề, PCTN Vượt khung	348.484.000	349.203.000
	6149	Phụ cấp khác	22.946.000	23.714.000
6250		Phúc lợi tập thể	19.200.000	9.590.400

	6299	Tiền mua chè lạng uống	19.200.000	9.590.400
6300		Các khoản đóng góp	594.632.000	641.905.852
	6301	17,5% BHXH	415.956.000	489.063.852
	6302	3% BHYT	88.454.000	76.179.000
	6303	2% KPCĐ	58.070.000	51.270.000
	6304	1% BHTN	32.152.000	25.393.000
6400		Các khoản thanh toán khác cho CN	0	8.400.000
	6449	Chi khác	0	8.400.000
<u>II</u>		<u>CHI VỀ HÀNG HÓA DỊCH VỤ</u>	<u>1.358.260.000</u>	<u>1.426.994.748</u>
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	87.400.000	89.828.233
	6501	Tiền điện	30.000.000	31.234.033
	6502	Tiền nước	14.400.000	15.594.200
	6504	Tiền vệ sinh, môi trường	43.000.000	43.000.000
6550		Vật tư văn phòng	508.849.000	640.684.085
	6551	Văn phòng phẩm	15.000.000	14.408.480
	6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	460.849.000	593.225.605
	6553	Khoản văn phòng phẩm	33.000.000	31.700.000
	6599	Vật tư văn phòng khác	0	1.350.000
6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6.000.000	9.345.230
	6601	Cước phí điện thoại	6.000.000	7.005.230
	6605	Cước phí Internet	0	2.340.000
6650		Hội nghị	19.600.000	0
	6699	Chi phí khác	19.600.000	0
6750		Chi phí thuê mướn	0	54.586.000
	6757	Thuê lao động trong nước	0	46.286.000
	6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	0	2.000.000
	6799	Chi phí thuê mướn khác	0	6.300.000
6900		Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ CM	97.000.000	272.842.000
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	52.000.000	44.100.000
	6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	45.000.000	51.500.000
	6949	Các tài sản và công trình hạ tầng khác	0	177.242.000
6950		Mua sắm TS phục vụ công tác CM	569.411.000	263.125.000
	6999	Tài sản và thiết bị khác	569.411.000	263.125.000
7000		Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành	50.800.000	78.593.800
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	38.300.000	66.547.800
	7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	3.000.000	3.000.000

	7012	Chi phí HĐ nghiệp vụ chuyên ngành	2.000.000	1.670.000
	7049	Chi phí khác	7.500.000	7.376.000
III		<u>CÁC KHOẢN CHI KHÁC</u>	<u>21.280.000</u>	<u>31.590.400</u>
7750		Chi khác	21.280.000	31.590.400
	7756	Chi các khoản phí và lệ phí	11.340.000	0
	7799	Chi các khoản khác	9.940.000	31.590.400
IV		<u>CHƯƠNG TRÌNH SN GIÁO DỤC</u>	<u>11.728.000</u>	<u>0</u>
6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho HS	11.728.000	-
	6151	Hỗ trợ học bổng cho học sinh khuyết tật	10.728.000	0
	6157	KP mua đồ dùng cho học sinh khuyết tật	1.000.000	0
B		<u>CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN</u>	<u>10.000.000</u>	<u>10.000.000</u>
7050		Mua sắm tài sản vô hình	10.000.000	10.000.000
	7053	Mua phần mềm Quản lý tiền lương	10.000.000	10.000.000
		Còn dư tại KB tiền học bổng, KP mua đồ dùng cho HS khuyết tật năm 2023	-	11.728.000
		TỔNG CỘNG	5.607.719.000	5.595.991.0

2. Công khai các khoản thu, chi năm học 2023-2024

* Các khoản thu đã thực hiện

SỐ TT	NỘI DUNG		MỨC THU	THỜI ĐIỂM THU	
1	Bắt buộc	Xe đạp	Lớp 3,4,5	10.000đ/hs/tháng x 9 tháng	T11/2023
		BHYT	Lớp 1	12 tháng = 680.400 đ/hs/năm	T9/2023
				13 tháng = 737.100 đ/hs/năm	
				14 tháng = 793.800 đ/hs/năm	
				15 tháng = 850.500 đ/hs/năm	
	Lớp 2,3,4,5	12 tháng = 680.400 đ/hs/năm	T12/2023		
2	Thỏa thuận	Buổi 2; Học kì 1	Khối 1,2	121.000 đ/hs/tháng x 4 tháng	Tháng 11/2023
			Khối 3	104.000 đ/hs/tháng x 4 tháng	
			Khối 4	87.000 đ/hs/tháng x 4 tháng	
			Khối 5	125.000 đ/hs/tháng x 4 tháng	
		Buổi 2; Học kì 2	Khối 1,2	121.000 đ/hs/tháng x 5 tháng	Tháng 01/2024
			Khối 3	104.000 đ/hs/tháng x 5 tháng	
			Khối 4	87.000 đ/hs/tháng x 5 tháng	
			Khối 5	125.000 đ/hs/tháng x 5 tháng	

	Tiếng Anh ASEAN Lớp 1,2	Học kì 1	5000đ/tiết x 2 tiết/tuần x 17 tuần	T11/2023
		Học kì 2	5000đ/tiết x 2 tiết/tuần x 18 tuần	T1/2024
	Kỹ Năng sống, lớp 1,2,3	Học kì 1	12.000 đ/tiết x 1 tiết/tuần x 17 tuần	T11/2023
		Học kì 2	12.000 đ/tiết x 1 tiết/tuần x 18 tuần	T1/2024
	Tiền vệ sinh	Khối 1,2,3,4,5	60.000 đồng/hs/năm	T11/2023
	Tiền nước uống	Khối 1,2,3,4,5	7.000 đ/hs/tháng x 9 tháng	T11/2023
	Tiền bán trú	Tiền ăn	18.000 đồng/hs/suất ăn	Thu theo tháng
		Công phục vụ HKI	100.000 đ/hs/tháng x 4 tháng	T10/2023
		Công phục vụ HKII	100.000 đ/hs/tháng x 5 tháng	T02/2024
		Tiền CSVC	135.000 đồng/hs/năm	T10/2023
3	Tự nguyện	BHTT-HS lớp 1,2,3,4,5	200.000đ/hs/năm	T10/2023
		Tài trợ CSVC	Huy động	94.600.000đ/năm
4	Các khoản thu của các tổ chức đoàn thể khác: Công đoàn, Đoàn thanh niên, chữ thập đỏ..		0	0

*** Các nội dung chi:**

+ Tiền Xe đạp:

- Tổng thu = 27.720.000 đồng
- Chi trả tiền công trông xe và sửa chữa nhỏ = 24.948.000 đồng
- Chi nộp thuế TNDN; thuế GTGT 10% = 2.772.000 đồng

+ Tiền BHYT HS:

- Tổng Thu = 443.167.200 đồng
- Chi nộp cho BHXH huyện Gia Lộc = 443.167.200 đồng

+ Tiền học 2 buổi/ngày:

- Tổng thu = 646.659.000 đồng
- Chuyển trả 80% cho GV trực tiếp dạy = 482.997.600 đồng
- Chuyển trả cho công tác quản lý thu chi = 95.144.400 đồng
- Chuyển trả tiền Nộp thuế TNDN 2% = 12.933.000 đồng
- Trả tiền sửa chữa, mua sắm CSVC phục vụ học tập = 55.584.000đ

+ Tiền Tiếng Anh ASEAN lớp 1,2:

- Tổng thu = 77.000.000 đồng
- Chuyển trả 90% cho công ty Tiếng Anh ASEAN = 69.300.000 đồng
- Chuyển trả cho công tác quản lý thu chi = 7.546.000 đồng

- Chuyển trả tiền Nộp thuế TNDN 2% = 154.000 đồng

+ Tiền học kỹ năng sống lớp 1,2,3:

- Tổng thu = 145.524.000 đồng

- Chuyển trả 80% cho công ty KNS = 116.419.200 đồng

- Chuyển trả cho công tác quản lý thu chi = 21.544.800 đồng

- Chuyển trả tiền Nộp thuế TNDN 2% = 582.000 đồng

- Trả tiền sửa chữa, mua sắm CSVC phục vụ học tập = 6.978.000đ

+ Tiền vệ sinh:

- Tổng thu = 39.120.000 đồng

- Trả tiền cho lao công dọn vệ sinh 9 tháng = 36.000.000 đồng

- Tiền công quét dọn vệ sinh, tưới cây cảnh 3 tháng hè = 3.120.000 đồng

+ Tiền Nước uống đóng bình:

- Tổng thu = 41.076.000 đồng

- Trả tiền cho hộ kinh doanh Hồ Thị My = 41.076.000 đồng

+ Tiền ăn bán trú:

- Tổng thu = 329.184.000 đồng

- Trả tiền Hợp tác xã liên kết chuỗi nông sản Cocofood = 329.184.000 đ.

+ Tiền Công phục vụ bán trú:

- Tổng thu = 99.600.000 đồng

- Trả tiền cho công trông trưa, công quản lý, giám sát = 76.702.000 đồng

- Trả tiền thuê giặt chăn, thảm trải giường, mua nước lau sàn nhà, nước rửa bát, bột giặt omo, nước tẩy nhà vệ sinh, cây lau nhà, chổi đốt, chổi cước bán trú = 15.415.000 đồng

- Chi trả tiền điện, tiền nước sạch = 7.483.000 đồng

+ Tiền CSVC bán trú:

- Tổng thu = 7.830.000 đồng

- Tiền mua gối, chổi, xô, nước tẩy rửa lau sàn nhà, nhà vệ sinh... giá để giày dép = 7.830.000 đồng

+ Tiền BHTT HS:

- Tổng Thu = 139.600.000 đồng

- Chi nộp cho Công ty Bảo hiểm PJICO Hải Dương = 139.600.000 đồng

+ Tiền tài trợ CSVC:

- Tổng thu = 94.600.000 đồng

- Trả tiền mua Ti Vi Sam Sung 55 in cho HS khối lớp 4 = 46.800.000 đồng

- Chuyển trả tiền làm tủ, giá treo, trượt ti vi, dây điện, ổ cắm... khóa việt tiếp, ống gen = 8.008.000 đồng

- mua 3 bộ máy vi tính để bàn, 01 máy chiếu phòng tin học = 39.792.000 đ.

3. Công khai các khoản thực hiện thu năm học 2024-2025:

SỐ TT	NỘI DUNG		MỨC THU	THỜI ĐIỂM THU	
		Xe đạp	Lớp 3,4,5	10 000đ/học sinh	
1	Bắt buộc	BHYT	Lớp 1	12 tháng = 884.520 đ/hs/năm	T9/2024
				13 tháng = 958.230 đ/hs/năm	

				18	
				14 tháng = 1.031.940 đ/hs/năm	
				15 tháng = 1.105.650 đ/hs/năm	
			Lớp 2,3,4,5	12 tháng = 884.520 đ/hs/năm	T12/2024
3	Thỏa thuận	Tiền vệ sinh	Khôi 1,2,3,4,5	60 000đ/HS/năm học	
4	Thỏa thuận	Tiền bán trú	Tiền ăn	20.000 đồng/hs/suất ăn	Thu theo tháng
			Công phục vụ HKI	100.000 đ/hs/tháng x 3,5 tháng	T10/2024
			Công phục vụ HKII	100.000 đ/hs/tháng x 5 tháng	T02/2025
			Tiền CSVC	120.000 đồng/hs/năm (Đối với học sinh ăn lần đầu lớp 1)	T10/2024
5	Tự nguyện	BHTT- HS	lớp 1,2,3,4,5	200.000đ/hs/năm	T10/2024
		Tài trợ CSVC	Huy động	Tổng số tiền cần huy động: 68.360.000 đ	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục, các sân chơi trí tuệ có ý nghĩa thiết thực và đạt hiệu quả cao.
- Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và công tác quản lý, làm tốt công tác truyền thông.
- Tích cực phối hợp các lực lượng trong công tác giáo dục và huy động nguồn lực để cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, đầu tư các trang thiết bị để phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động và các phong trào thi đua, tạo sự chuyển biến tích cực và rõ nét về chất lượng giáo dục:

+ Tập thể:

- + Trường đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến
- + Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- + Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- + Liên Đội vững mạnh.

+ Cá nhân:

Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 06

Lao động tiên tiến: 22

* Khen thưởng:

01 GV được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT (b/c);
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Sách Khôi